

Họ và tên..... Lớp 2A

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của giáo viên</u>

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG: (4 điểm)**II. ĐỌC HIỂU: (6 điểm)****1. Đọc thầm: SUẤT CƠM PHẦN BÀ**

Một tối cuối năm, trời rất rét, thấy một bà cụ đang ngồi quạt ngô nướng bên bếp lò, tôi liền dừng xe đạp mua một bắp. Tôi ăn gần hết thì thấy hai cậu bé. Cậu lớn một tay xách liễn com, một tay cầm cái bát với đôi đũa, chạy ào tới hỏi:

- Bà ơi, bà đói lắm phải không?

Bà cụ cười:

- Bà quạt ngô thì đói làm sao được! Hai đứa ăn cả chưa?

- Chúng cháu ăn rồi.

Bà cụ nhìn vào liễn com, hỏi:

- Các cháu có ăn được thịt không?

Đứa nhỏ nói:

- Ăn nhiều lắm. Mẹ cho chúng cháu ăn chán thì thôi.

Bà cụ quát yêu: “Giấu đầu hở đuôi. Mấy mẹ con ăn rau để bà ăn thịt. Bà nuốt sao nổi.” Bà xới lưng bát cơm, nhai nuốt nhệu nhạo với mấy cọng rau. Rồi bà xới một bát com đầy, đặt lên một miếng thịt nạc to đưa cho đứa cháu nhỏ. Đứa em lăm lét nhìn anh. Anh lườm em “Xin bà đi!” Bà đưa cái liễn còn ít com cho đứa anh.

Đứa lớn vừa đưa hai tay bụng lấy cái liễn, vừa mếu máo:

- Sao bà ăn ít thế? Bà ốm hả bà?

Bà cụ cười như khóc:

- Bà bán hàng quà thì bà ăn quà chứ bà chịu đói à!

Tôi đứng vụt lên. Lúc đạp xe thấy mặt buốt lạnh mới hay là mình cũng đã khóc.

(Theo Nguyễn Khải)

Dựa vào nội dung bài đọc hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Chọn từ ngữ chỉ hoạt động thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau:
(trông, nhặt rau, ru, bế, đặt.)

Mẹ đi thăm bà, Bình ở nhà em giúp mẹ. Bình em ra sân chơi.
Em bé buồn ngủ, Bình em lên võng, hát em ngủ. Bé ngủ rồi, Bình lại
..... để chuẩn bị cho mẹ về nấu cơm chiều. Làm được nhiều việc, Bình
cảm thấy rất vui.

Câu 9: (0.5 điểm)

Viết một câu nêu đặc điểm về một bạn trong lớp?

[illegible]

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIO CHÂU**HƯỚNG DẪN CHẤM CUỐI HKI****NĂM HỌC : 2021 - 2022****Môn: Tiếng Việt****I. Kiểm tra đọc : (10 điểm)****1. Đọc + trả lời câu hỏi các bài tập đọc đã học: (4 điểm)**

- Đọc đúng, trôi chảy, rõ ràng (3 điểm)
 - + Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu. (1 điểm)
 - + Đọc đúng tiếng, từ hoặc không sai quá 5 tiếng. (1 điểm)
 - + Ngắt nghỉ đúng ở các dấu câu, cụm từ rõ nghĩa. (1 điểm)
- Trả lời đúng câu hỏi (1 điểm).

2. Đọc hiểu + kiến thức tiếng việt: (6 điểm)**Câu 1:** (0,5 điểm) Chọn B, C**Câu 2:** (0,5 điểm) Chọn: A**Câu 3:** (0,5 điểm) Chọn C**Câu 4:** (0,5 điểm) Chọn C

Câu 5: (1 điểm) HS viết được một câu trong bài và nói được câu đó thể hiện tình cảm của cháu đối với bà hoặc tình cảm của bà đối với cháu.

(VD : Sao bà ăn ít thế ? Bà ốm hả bà? Tình cảm của cháu đối với bà, lo lắng cho bà khi thấy bà ăn ít cơm).

Câu 6: (0,5 điểm) Chọn A**Câu 7:** (1 điểm)

Ông ngoại đang đi chân đất, ngó nghiêng tìm thứ gì đó trong vườn. Thấy vậy Lan ngạc nhiên:

-Ông ơi, sao ông đi chân đất thế ạ ?

Con chó vừa mới tha mất dép của ông. Ông tìm mãi mà không thấy.

-Vô lí! Thế sao lúc này cháu thấy nó vẫn đi chân đất?

Câu 8: (1 điểm) (Điền đúng mỗi ô trống: 0,2 điểm)

Thứ tự từ cần điền là :trông, bế, đặt, ru, nhặt rau

Câu 9: (0,5 điểm)

VD : Bạn Lan có khuôn mặt bầu bĩnh.

II. Bài kiểm tra viết : (10 điểm)

1. Chính tả: (4 điểm) **NHÍM NÂU KẾT BẠN** (Sách Tiếng Việt 2,tập 1 /91)

Viết đoạn: **Từ “Thấy nhím trắng đến lạnh giá”.**

- Tốc độ đạt yêu cầu (1 điểm)
- Chữ viết rõ ràng, đúng mẫu chữ, cỡ chữ (1 điểm)
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi) (1 điểm)
- Trình bày đúng quy định, viết sạch đẹp (1 điểm)

2. Tập làm văn: (6 điểm)

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) thể hiện tình cảm của em đối với một người thân.

- Nội dung (ý) : Viết được đoạn văn (3 điểm). Gồm các ý theo đúng trong yêu cầu của bài.

- Kỹ năng : (3 điểm)

- + Kỹ năng viết chữ, đúng chính tả (1 điểm)
- + Kỹ năng dùng từ đặt câu (1 điểm)
- + Phần sáng tạo (1 điểm)

PHÒNG GD&ĐT GIO LINH

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIO CHÂU

MA TRẬN MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – CUỐI KÌ I

Năm học 2021 – 2022

Mạch kiến thức	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL

1. Đọc hiểu văn bản: - Xác định được nhân vật, các chi tiết trong bài đọc. - Hiểu ý chính của đoạn văn. - Nắm được ND bài đọc. - Liên hệ thực tiễn để rút ra bài học đơn giản.	Số câu	3		2			1	5	1
	Câu số	1,2,6		3,4			5		
	Số điểm	1,5		1			1	2,5	1
	Tỉ lệ	25,0		16,66			16,66	41,66	16,66
2. Kiến thức Tiếng Việt: - Biết các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. - Biết cách đặt các kiểu câu: Câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm - Biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu phẩy.	Số câu			1	2			1	2
	Câu số			8	7,9				
	Số điểm			1	1,5			1	1,5
	Tỉ lệ			16,66	25,0			16,66	25,0
Tổng	Số câu	3		3	2		1	6	3
	Số điểm	1,5		2	1,5		1	3,5	2,5
	Tỉ lệ	0,25		33,33	0,25		16,66	58,33	41,67